

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG TỔNG HỢP 4

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Tiếng Trung tổng hợp 4

2. Mã học phần: NNTQ 036

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2 (kỳ 2)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Trung tổng hợp 3.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Xuân Giang	0912779326	nxgiang@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlans@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong học phần: Địa vị xã hội và gia đình, trường học trên mạng, chỉ số cảm xúc, phong tục tập quán, văn hóa, quan điểm về các lĩnh vực tình yêu, hạnh phúc, những trải nghiệm của bản thân. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, cung cấp cách dùng từ ngữ trọng điểm và cấu trúc câu liên quan đến nội dung bài học. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập từ đơn giản đến nâng cao, tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng giao tiếp, mô phỏng và bồi dưỡng trí nhớ cho người học.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	<p>- Bài đọc: Từ vựng, cụm từ, mẫu câu giao tiếp theo chủ đề trong học phần: Địa vị xã hội và gia đình, trường học trên mạng, chỉ số cảm xúc, phong tục tập quán, văn hóa, quan điểm về các lĩnh vực tình yêu, hạnh phúc, những trải nghiệm của bản thân.</p> <p>- Ngữ pháp: Cung cấp cách dùng từ ngữ, cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học.</p>	2	[1.2.1.2a]
MT2	Kỹ năng		
	Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường của cuộc sống hằng ngày: Địa vị xã hội và gia đình, trường học trên mạng, chỉ số cảm xúc, phong tục tập quán, văn hóa, quan điểm về các lĩnh vực tình yêu, hạnh phúc; những trải nghiệm của bản thân.	3	[1.2.2.1]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp trong học phần.	2	[2.1.4]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.2	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm của từ vựng trong học phần.		
CĐR1.3	Trình bày được cách dùng các từ trọng điểm trong học phần: 由、马上、勉强、顿时、向来、不时、当、千万、难道、幸亏、一口气、不得了、好容易、明明、一向、何况、一下子、否则、本来、渐渐、来不及、特意、可惜、不忍、关于、好、所谓、所有、受、一次又一次、不得不、使得、舍不得、趁、凭、何必、然而、从而、假如、尽情、免不了、的确、当（当做）、准、难得、给、多亏、逐渐、决心、了不起、不论、即使、有关、适合、通过、以及、可见、是否、不妨、往往、证明、干脆、象征、无疑、偏（偏偏）、反正、由于、为、表达、不然、宁可、如此、始终.		
CĐR1.4	Trình bày được đặc điểm, cách dùng các cấu trúc câu trong học phần: 从...看来、每当...都...、非...不可...、或...或...、与其..., 不如、动词+不起、不是..., 而是...、为...而...、以...为...		
CĐR1.5	Xác định được ý nghĩa, đặc điểm, cách dùng của các cặp từ đồng nghĩa trong học phần: 顿时-立刻, 所有 - 一切, 不得不 - 只好, 往往 - 常常, 表达 - 表示.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.1]
CĐR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần.		
CĐR2.3	Sử dụng được các từ vựng và các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để diễn đạt ý muốn nói, đặt câu, viết câu, dịch bài đọc và hoàn thành bài tập		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.4	Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.5	Hội thoại, đọc thoại được về chủ đề giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.6	Đọc hiểu được các đoạn văn 700 - 900 chữ về các chủ đề giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.7	Viết được các đoạn văn ngắn khoảng 200 - 250 từ về đất nước, con người qua các lĩnh vực trong đời sống hằng ngày trong học phần.		
CĐR2.8	Giao tiếp lưu loát về các chủ đề trong học phần.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.		
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1					CDR2								CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第十四课：谁当家 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	第十五课：受伤以后 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	第十六课：说话“慢点儿” 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	第十七课：再试一次 一、课文 二、生词	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																
		CDR1					CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	三、注释 四、词语用法 五、练习																	
5	第十八课：一盒蛋糕 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x
6	第十九课：无声的泪 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习	x	x	x		x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x
7	第二十课：什么是最重要 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	第二十一课：理发	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																
		CDR1					CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习																	
9	第二十二课：母亲的心 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	第二十三课：网络学校 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11	第二十四课：情商 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																
		CDR1					CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	五、练习																	
12	第二十五课：你喜欢什么颜色 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
13	第二十六课：梁山伯与祝英台 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 五、练习	x	x	x		x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp, tự luận.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] - Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2020), *Giáo trình Hán ngữ (tập 3, quyển hạ)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2] - Khương Lê Bình (2020), *Giáo trình chuẩn HSK 4 (tập 2)*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] - Khương Lê Bình (2020), *Giáo trình chuẩn HSK 4 (tập 2- sách bài tập)*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	<p>第十四课 谁当家</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng cách dùng các từ và cấu trúc câu: “由、马上、并、勉强、顿时” trong giao tiếp và vận dụng làm các bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、词语用法</p> <p>（一）由</p> <p>（二）马上</p> <p>（三）并</p> <p>（四）勉强</p> <p>（五）顿时</p> <p>五、练习</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1- 8. [2]: Trang 11 - 18. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung và ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 9 - 13. [3]: Trang 11 - 14. 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
2	<p>第十五课 受伤以后</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “从...看来、向来、每当...都...、不时、当、非...不可...、千万” trong giao tiếp và vận dụng hoàn thành các bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、词语用法</p> <p>(一) 从.....看来</p> <p>(二) 向来</p> <p>(三) 每当...都...</p> <p>(四) 不时</p> <p>(五) 当</p> <p>(六) 非...不可...</p> <p>(七) 千万</p> <p>五、练习</p>	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 14 - 21. [2]: Trang 24 - 32. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung và ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 21 - 26. [3]: Trang 20 - 24. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
3	<p>第十六课 说话“慢点儿”</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và 	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>đặt được câu đúng.</p> <p>- Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “难道、幸亏、一口气、不得了、又、好容易、明明” trong giao tiếp và vận dụng hoàn thành các bài tập.</p> <p>- Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、词语用法</p> <p>(一) 难道</p> <p>(二) 幸亏</p> <p>(三) 一口气</p> <p>(四) 不得了</p> <p>(五) 又</p> <p>(六) 好容易</p> <p>(七) 明明</p> <p>五、练习</p>		<p>dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</p> <p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 27 - 34. [2]: Trang 37 - 45.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung và ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 34 - 39. [3]: Trang 30 - 34.</p>	<p>CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>
4	<p>第十七课 再试一次</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng.</p> <p>- Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “一向、何况、一下子、或...或...、与</p>	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</p> <p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ</p>	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>其..., 不如、否则” trong giao tiếp và vận dụng làm các bài tập.</p> <p>- Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、词语用法</p> <p>(一) 一向</p> <p>(二) 何况</p> <p>(三) 一下子</p> <p>(四) 或...或...</p> <p>(五) 与其..., 不如...</p> <p>(六) 否则</p> <p>五、练习</p>		<p>trọng điểm.</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1]: Trang 40 - 48</p> <p>[2]: Trang 50 - 59.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong</p> <p>[1]: Trang 48 - 54.</p> <p>[3]: Trang 40 - 44.</p>	<p>CDR2.7,</p> <p>CDR2.8,</p> <p>CDR3.1,</p> <p>CDR3.2,</p> <p>CDR3.3,</p> <p>CDR3.4.</p>
5	<p>第十八课 一盒蛋糕</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng.</p> <p>- Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “本来、渐渐、来不及、特意、可惜、不忍、关于、好、所谓、所有” trong giao tiếp và vận dụng hoàn thành các bài tập.</p> <p>- Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc.</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</p> <p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm</p>	<p>CDR1.1,</p> <p>CDR1.2,</p> <p>CDR1.3,</p> <p>CDR1.4,</p> <p>CDR1.5,</p> <p>CDR2.1,</p> <p>CDR2.2,</p> <p>CDR2.3,</p> <p>CDR2.4,</p> <p>CDR2.5,</p> <p>CDR2.6,</p> <p>CDR2.7,</p> <p>CDR2.8,</p> <p>CDR3.1,</p> <p>CDR3.2,</p> <p>CDR3.3,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 (一) 本来 (二) 渐渐 (三) 来不及 (四) 特意 (五) 可惜 (六) 不忍 (七) 关于 (八) 好 (九) 所谓 (十) 所有 五、练习</p>		<p>các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 55 - 65. [2]: Trang 65- 70. + Lắng nghe, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 65 - 70. [3]: Trang 50 - 54.</p>	CDR3.4.
6	<p>第十九课 无声的泪 Mục tiêu bài: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “受、一次又一次、不得不、使得、舍不得、趁” trong giao tiếp và vận dụng hoàn thành các bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法</p>	2 (2LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên.</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	(一) 受 (二) 一次又一次 (三) 不得不 (四) 使得 (五) 舍不得 (六) 趁 五、练习		- Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 71 - 79. [2]: Trang 81 - 89. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung và ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 79 - 84. [3]: Trang 60 - 64.	
7	第二十课 什么是最重要 Mục tiêu bài: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “凭、何必、然而、从而、动词+不起、假如、尽情” trong giao tiếp và vận dụng hoàn thành các bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 (一) 凭 (二) 何必 (三) 然而 (四) 从而 (五) 动词+不起	4 (2LT, 0TH 2KT)	Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 85 - 94. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	(六) 假如 (七) 尽情 五、练习 Kiểm tra giữa học phần		dung và ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 94 - 100. + Làm bài kiểm tra GHP.	
8	第二十一课 理发 Mục tiêu bài: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “免不了、的确、当（当做）、准、难得、给、多亏” trong giao tiếp và vận dụng hoàn thành các bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 (一) 免不了 (二) 的确 (三) 当（当做） (四) 准 (五) 难得 (六) 给 (七) 多亏 五、练习	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 101- 110. [2]: Trang 95 - 103. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung và ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			[1]: Trang 110 - 117. [2]: Trang 70 - 74.	
9	<p>第二十二课 母亲的心</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “逐渐、决心、了不起、不论、即使” trong giao tiếp và vận dụng hoàn thành các bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、词语用法</p> <p>(一) 逐渐</p> <p>(二) 决心</p> <p>(三) 了不起</p> <p>(四) 不论</p> <p>(五) 即使</p> <p>五、练习</p>	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 118 - 127. [2]: Trang 109 - 1117. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung và ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 128 - 133. [3]: Trang 80 - 84. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
10	<p>第二十三课 网络学校</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các 	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>từ vựng trong bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “有关、不是...，而是...、适合、通过、为...而...” trong giao tiếp và vận dụng hoàn thành các bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、词语用法</p> <p>（一）有关</p> <p>（二）不是...，而是...</p> <p>（三）适合</p> <p>（四）通过</p> <p>（五）为...而...</p> <p>五、练习</p>		<ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 134 - 141. [2]: Trang 123 - 130. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung và ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 141 - 145. [3]: Trang 90 - 94. 	<p>CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>
11	<p>第二十四课 情商</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “以及、可见、 	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, 	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>以...为...、算、是否、不妨、往往” trong giao tiếp và vận dụng hoàn thành các bài tập.</p> <p>- Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、词语用法</p> <p>(一) 以及</p> <p>(二) 可见</p> <p>(三) 以...为...</p> <p>(四) 算 (2)</p> <p>(五) 是否</p> <p>(六) 不妨</p> <p>(七) 往往</p> <p>五、练习</p>		<p>hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1]: Trang 146 - 154.</p> <p>[2]: Trang 136 - 144.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung và ghi chép.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong</p> <p>[1]: Trang 155 - 161.</p> <p>[3]: Trang 100 - 104.</p>	<p>CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>
12	<p>第二十五课</p> <p>你们喜欢什么颜色</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng.</p> <p>- Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “证明、干脆、象征、无疑、偏 (偏偏)、反正” trong giao tiếp và vận dụng hoàn</p>	2 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trục quan; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</p> <p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p>	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>thành các bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、词语用法 （一）证明 （二）干脆 （三）象征 （四）无疑 （五）偏（偏偏） （六）反正 五、练习</p>		<p>+ Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 162 - 172. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung và ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 172 - 178. [3]: Trang 113 - 121.</p>	<p>CDR3.3, CDR3.4.</p>
13	<p>第二十六课 梁山伯与祝英台 Mục tiêu bài: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Xác định nghĩa của từ và đặt được câu đúng. - Sử dụng đúng các từ và cấu trúc: “由于、为、表达、不然、宁可、如此、始终” trong giao tiếp và vận dụng hoàn thành các bài tập. - Đọc lưu loát và dịch được nội dung bài đọc. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đàm thoại; Trực quan; Thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập cho cá nhân, chủ đề thảo luận. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết</p>	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	三、注释 四、词语用法 (一) 由于 (二) 为 (三) 表达 (四) 不然 (五) 宁可 (六) 如此 (七) 始终 五、练习		quả của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 179 - 189. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung và ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời, thảo luận, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 190 - 195.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa